

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Phụ lục II**

**BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU**

**(Báo cáo thống kê kỳ cuối năm học)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Biểu 01.CN-MN**

Ban hành theo Thông tư số /2024/TT-BGDĐT

ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ GD&amp;ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC MẦM NON**

Kỳ cuối năm học

(có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh .....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Công lập	Tư thực	Dân lập
	A	B	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Cơ sở giáo dục mầm non</b>	cơ sở				
<b>1.1.</b>	<b>Trường</b>	trường				
1.1.1.	Nhà trẻ	trường				
1.1.2.	Trường mẫu giáo	trường				
1.1.3.	Trường mầm non	trường				
<b>1.2.</b>	<b>Cơ sở giáo dục mầm non độc lập</b>	cơ sở				
1.2.1.	Nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 7 trẻ	cơ sở				
1.2.2.	Nhóm trẻ độc lập quy mô trên 7 trẻ	cơ sở				
1.2.3.	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở				
1.2.4.	Lớp mầm non độc lập	cơ sở				
<b>1.3</b>	<b>Số điểm trường</b>	điểm				
<b>II</b>	<b>Nhóm, lớp</b>	nhóm, lớp				
2.1.	Nhóm trẻ	nhóm				
2.2.	Lớp mẫu giáo	lớp				

Người lập biểu

Ký tên

....., ngày tháng năm

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên, đóng dấu)









## **Biểu 01.CN-MN: Báo cáo thống kê Giáo dục Mầm non Kỳ cuối năm học**

### **Phần I. Trường**

#### 1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 01.ĐN-MN.

#### 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số trường tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi số trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi số trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 4: Ghi số trường dân lập tương ứng với các dòng của cột A.

#### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục mầm non báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **Phần II. Nhóm, lớp**

#### 1. Khái niệm, phương pháp tính

- Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 01.ĐN-MN.

#### 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của các cơ sở giáo dục mầm non tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 4: Ghi số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập tương ứng với các dòng của cột A.

#### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục mầm non báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **Phần III. Học sinh**

#### 1. Khái niệm, phương pháp tính

- Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 01.ĐN-MN

#### 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số trẻ tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số trẻ em nữ tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi tổng số trẻ em dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 4: Ghi tổng số trẻ em dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A
- Cột 5: Ghi tổng số trẻ công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 6: Ghi tổng số trẻ em nữ công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 7: Ghi tổng số trẻ em dân tộc thiểu số công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 8: Ghi tổng số trẻ em nữ dân tộc thiểu số công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 9: Ghi tổng số trẻ tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 10: Ghi tổng số trẻ em nữ tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 11: Ghi tổng số trẻ em dân tộc thiểu số tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 12: Ghi tổng số trẻ em nữ dân tộc thiểu số tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 13: Ghi tổng số trẻ dân lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 14: Ghi tổng số trẻ em nữ dân lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 15: Ghi tổng số trẻ em dân tộc thiểu số dân lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 16: Ghi tổng số trẻ em nữ dân tộc thiểu số dân lập tương ứng với các dòng của cột A;

### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục mầm non báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **Phần IV. Đội ngũ**

### 1. Khái niệm, phương pháp tính

- Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 01.ĐN-MN.
- Giáo viên nhà trẻ/mẫu giáo được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là giáo viên đang dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giáo viên nghỉ hưu trong năm học là các giáo viên đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc về hưu theo chế độ và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.
- Giáo viên tuyển mới trong năm học là các giáo viên được tuyển dụng lần đầu vào cơ sở giáo dục mầm non để bắt đầu công tác dạy học.



## 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nữ của các cơ sở giáo dục mầm non tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên dân tộc thiểu số của các cơ sở giáo dục mầm non tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 4: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nữ dân tộc thiểu số của các cơ sở giáo dục mầm non tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 5: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 6: Ghi tổng viên chức hợp đồng lao động không xác định thời hạn của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 7: Ghi tổng viên chức hợp đồng lao động xác định thời hạn của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 8: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên hợp đồng lao động của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 9: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nữ của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 10: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên dân tộc thiểu số của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 11: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nữ dân tộc thiểu số của các cơ sở giáo dục mầm non công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 12: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục mầm non tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 13: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục mầm non tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 14: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên dân tộc thiểu số của các cơ sở giáo dục mầm non tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 15: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nữ dân tộc thiểu số của các cơ sở giáo dục mầm non tư thục tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 16: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 17: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nữ của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 18: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên dân tộc thiểu số của các cơ

sở giáo dục mầm non dân lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 19: Ghi tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nữ dân tộc thiểu số của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập tương ứng với các dòng của cột A;

### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục mầm non báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Biểu 02.CN-TH**

Ban hành theo Thông tư số /2024/TT-BGDĐT

ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ GD&amp;ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Kỳ cuối năm học

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh .....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Công lập	Tư thực
	A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Trường</b>				
<b>1.1.</b>	<b>Tổng số trường</b>	trường			
	Trong đó:	trường			
	- Số trường sáp nhập	trường			
	- Số trường giải thể	trường			
	- Số trường chia tách	trường			
	- Số trường thành lập mới	trường			
<b>1.2.</b>	<b>Số điểm trường</b>	điểm			
<b>II</b>	<b>Lớp</b>	lớp			
	Chia ra :				
	- Lớp 1	lớp			
	- Lớp 2	lớp			
	- Lớp 3	lớp			
	- Lớp 4	lớp			
	- Lớp 5	lớp			
	Trong đó:				
	- Lớp học 2 buổi/ngày	lớp			
	- Lớp ghép	lớp			





IV	Đội ngũ	Đơn vị tính	Tổng số				Công lập							Tư thực				
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Phân loại			Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		
					Tổng số	Nữ		Viên chức		Hợp đồng lao động		Tổng số	Nữ			Tổng số	Nữ	
								HĐLV không xác định thời hạn	HĐLV xác định thời hạn									Tổng số
	- Kiểm nhiệm 2 hoặc 3 VTVL chuyên môn dùng chung	người																
<b>4.4</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	người																
	Chia ra:	người																
	- Y tế học đường	người																
	- Nhân viên bảo vệ	người																
	- Nhân viên nấu ăn	người																
	- Nhân viên phục vụ	người																
<b>4.6.</b>	<b>Số giáo viên, nhân viên được tham gia các chương trình bồi dưỡng</b>	người																
	- Chương trình bồi dưỡng thường xuyên	người																
	- Tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	người																
	- Trong đó: Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	người																

....., ngày tháng năm

**Người lập biểu**

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu 02.CN-TH: Báo cáo thống kê Giáo dục Tiểu học**  
**Kỳ cuối năm học**

**Phần I. Trường**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 02.ĐN-TH.

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số trường tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi số trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi số trường tiểu học tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần II. Lớp**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 02.ĐN-TH.

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số lớp tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi số lớp tiểu học của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi số lớp tiểu học của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần III. Học sinh**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 02.ĐN-TH.

- Số học sinh chuyển đi ngoài địa bàn tỉnh/thành phố là số học sinh trong năm học đã chuyển đi học các trường khác ngoài địa bàn tỉnh/thành phố.
- Số học sinh chuyển đến từ tỉnh/thành phố khác là số học sinh trong năm học được chuyển từ các tỉnh/thành phố khác đến học tại các trường thuộc địa bàn.
- Học sinh bỏ học là những học sinh trong độ tuổi đi học theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo đã từng đến trường tham gia hoạt động và học tập tại trường

nay vì một lý do không đến lớp và không tham gia các hoạt động học tập của trường nữa.

- Học sinh lưu ban là học sinh không đáp ứng các điều kiện để được lên lớp, được học lưu ban lớp đó trong năm học kế tiếp.

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học là những học sinh có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được Hiệu trưởng trường tiểu học xác nhận trong học bạ Hoàn thành chương trình tiểu học.

Đối với cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học, học sinh học hết chương trình tiểu học có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì Hiệu trưởng trường tiểu học được giao trách nhiệm bảo trợ cơ sở giáo dục đó xác nhận trong học bạ Hoàn thành chương trình tiểu học. Đối với học sinh do hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đến trường, theo học ở cơ sở khác trên địa bàn, học sinh ở nước ngoài về nước, được Hiệu trưởng trường tiểu học nơi tổ chức kiểm tra cấp giấy xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học.

## 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số học sinh tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số học sinh nữ học tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi tổng số học sinh dân tộc thiểu số học tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 4: Ghi tổng số học sinh nữ dân tộc thiểu số học tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 5: Ghi tổng số học sinh tiểu học của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 6: Ghi số học sinh nữ học tiểu học của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 7: Ghi số học sinh dân tộc thiểu số học tiểu học của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 8: Ghi số học sinh nữ dân tộc thiểu số học tiểu học của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi tổng số học sinh tiểu học của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số học sinh nữ học tiểu học của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số học sinh dân tộc thiểu số học tiểu học của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;



- Cột 12: Ghi số học sinh nữ dân tộc thiểu số học tiểu học của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **Phần IV. Đội ngũ**

### 1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 02.ĐN-TH.

- Giáo viên tiểu học được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là giáo viên dạy cấp tiểu học được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo viên nghỉ hưu trong năm học là các giáo viên đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc về hưu theo chế độ và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

- Giáo viên tuyển mới trong năm học là các giáo viên được tuyển dụng lần đầu vào cơ sở giáo dục để bắt đầu công tác dạy học.

### 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc tại trường tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số nữ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc tại trường tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là người dân tộc thiểu số làm việc tại trường tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 4: Ghi tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là nữ người dân tộc thiểu số làm việc tại trường tiểu học tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 5: Ghi tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 6: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là viên chức hợp đồng làm việc không xác định thời hạn tại trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 7: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là viên chức hợp đồng làm việc xác định thời hạn tại trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 8: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là nữ tại trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là người dân tộc thiểu số tại trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số nữ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là người dân tộc thiểu số tại trường tiểu học công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 12: Ghi tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường tiểu học tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 13: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là nữ tại trường tiểu học tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 14: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là người dân tộc thiểu số tại trường tiểu học tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 15: Ghi số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là nữ dân tộc thiểu số tại trường tiểu học tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Biểu 03.CN-THCS**

Ban hành theo Thông tư số /2024/TT-BGDĐT

ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ GD&amp;ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ**

Kỳ cuối năm học

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh .....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Công lập	Tư thực
	A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Trường</b>	trường			
	- Trường trung học cơ sở	trường			
	- Trường tiểu học và trung học cơ sở	trường			
	Trong đó:	trường			
	- Số trường sáp nhập	trường			
	- Số trường giải thể	trường			
	- Số trường chia tách	trường			
	- Số trường thành lập mới	trường			
<b>II</b>	<b>Lớp</b>	lớp			
	Chia ra:				
	- Lớp 6	lớp			
	- Lớp 7	lớp			
	- Lớp 8	lớp			
	- Lớp 9	lớp			
	Trong đó:				
	- Lớp ghép	lớp			





IV	Đội ngũ	Đơn vị tính	Tổng số				Công lập							Tư thực			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Phân loại			Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ		Viên chức		Hợp đồng lao động		Tổng số	Nữ			Tổng số	Nữ
								HĐLV không xác định thời hạn	HĐLV xác định thời hạn								
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	- Kế toán	người															
	- Kiêm nhiệm 2 hoặc 3 VTVL chuyên môn dùng chung	người															
<b>4.4</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	người															
	Chia ra:	người															
	- Y tế học đường	người															
	- Nhân viên bảo vệ	người															
	- Nhân viên nấu ăn	người															
	- Nhân viên phục vụ	người															
<b>4.6.</b>	<b>Số giáo viên, nhân viên được tham gia các chương trình bồi dưỡng</b>	người															
	- Chương trình bồi dưỡng thường xuyên	người															
	- Tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	người															
	Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	người															

**Người lập biểu**  
Ký tên

....., ngày tháng năm  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu 03. CN-THCS: Báo cáo thống kê Giáo dục Trung học cơ sở  
Kỳ cuối năm học**

**Phần I. Trường**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 03.ĐN-THCS.

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số trường trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi số trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi số trường trung học cơ sở tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần II. Lớp**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 03. ĐN-THCS.

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số lớp trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi số lớp trung học cơ sở của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi số trường trung học cơ sở của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần III. Học sinh**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 03. ĐN-THCS.

- Số học sinh chuyển đi ngoài địa bàn tỉnh/thành phố: Là số học sinh trong năm học đã chuyển đi học các trường khác ngoài địa bàn tỉnh/thành phố.
- Số học sinh chuyển đến từ tỉnh/thành phố khác: Là số học sinh trong năm học được chuyển từ các tỉnh/thành phố khác đến học tại các trường thuộc địa bàn.

- Học sinh bỏ học: Là những học sinh trong độ tuổi đi học theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo đã từng đến trường tham gia hoạt động và học tập tại trường nay vì một lý do không đến lớp và không tham gia các hoạt động học tập của trường nữa.

- Học sinh lưu ban là học sinh không đáp ứng các điều kiện để được lên lớp, được học lưu ban lớp đó trong năm học kế tiếp.

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là học sinh học hết chương trình trung học cơ sở, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

## 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số học sinh trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số học sinh nữ học trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi tổng số học sinh dân tộc thiểu số học trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 4: Ghi tổng số học sinh nữ dân tộc thiểu số học trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 5: Ghi tổng số học sinh trung học cơ sở của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 6: Ghi số học sinh nữ học trung học cơ sở của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 7: Ghi số học sinh dân tộc thiểu số học trung học cơ sở của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 8: Ghi số học sinh nữ dân tộc thiểu số học trung học cơ sở của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi tổng số học sinh trung học cơ sở của trường tư thục lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số học sinh nữ học trung học cơ sở của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số học sinh dân tộc thiểu số học trung học cơ sở của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 12: Ghi số học sinh nữ dân tộc thiểu số học trung học cơ sở của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

## 3. Nguồn số liệu:



Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### **Phần IV. Đội ngũ**

##### **1. Khái niệm, phương pháp tính**

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 03. ĐN-THCS.

- Giáo viên trung học cơ sở được đánh giá chuẩn nghề nghiệp: Là giáo viên dạy cấp trung học cơ sở được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo viên nghỉ hưu trong năm học: Là các giáo viên đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc về hưu theo chế độ và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

- Giáo viên tuyển mới trong năm học: Là các giáo viên được tuyển dụng lần đầu vào cơ sở giáo dục để bắt đầu công tác dạy học.

##### **2. Cách ghi biểu:**

- Cột 1: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại trường trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số nữ cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại trường trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu tại trường trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 4: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ người dân tộc thiểu số tại trường trung học cơ sở tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 5: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 6: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là viên chức hợp đồng làm việc không xác định thời hạn tại trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 7: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là viên chức hợp đồng làm việc xác định thời hạn tại trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 8: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ tại trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tại trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số nữ cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tại trường trung học cơ sở công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 12: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại trường trung học cơ sở tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 13: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ tại trường trung học cơ sở tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 14: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tại trường trung học cơ sở tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 15: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ dân tộc thiểu số tại trường trung học cơ sở tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Biểu 04.CN-THPT**

Ban hành theo Thông tư số /2024/TT-BGDĐT

ngày của Bộ trưởng Bộ GD&amp;ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Kỳ cuối năm học

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh .....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Công lập	Tư thục
	A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Trường</b>	trường			
	- Trường trung học phổ thông	trường			
	- Trung học cơ sở và trung học phổ thông	trường			
	- Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông	trường			
	Trong đó:	trường			
	- Số trường sáp nhập	trường			
	- Số trường giải thể	trường			
	- Số trường chia tách	trường			
	- Số trường thành lập mới	trường			
<b>II</b>	<b>Lớp</b>	lớp			
	Chia ra :				
	- Lớp 10	lớp			
	- Lớp 11	lớp			
	- Lớp 12	lớp			
	Trong đó:				
	- Lớp ghép	lớp			





IV	Đội ngũ	Đơn vị tính	Tổng số				Công lập							Thực tự			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Phân loại			Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ		Viên chức		Hợp đồng lao động		Tổng số	Nữ			Tổng số	Nữ
								HĐLV không xác định thời hạn	HĐLV xác định thời hạn								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
	A	B															
	- Văn thư	người															
	- Thủ quỹ	người															
	- Kế toán	người															
	- Kiểm nhiệm 2 hoặc 3 VTVL chuyên môn dùng chung	người															
<b>4.4.</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	người															
	Chia ra:	người															
	- Y tế học đường	người															
	- Nhân viên bảo vệ	người															
	- Nhân viên nấu ăn	người															
	- Nhân viên phục vụ	người															
<b>4.6.</b>	<b>Số giáo viên, nhân viên được tham gia các chương trình bồi dưỡng</b>	người															
	- Chương trình bồi dưỡng thường xuyên	người															
	- Tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	người															
	Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và GD sức khỏe sinh sản.	người															

....., ngày tháng năm

Người lập biểu  
Ký tên

Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu 04. CN-THPT: Báo cáo thống kê Giáo dục Trung học phổ thông  
Kỳ cuối năm học**

**Phần I. Trường**

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 04. ĐN-THPT

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số trường trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi số trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi số trường trung học phổ thông tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần II. Lớp**

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 04. ĐN-THPT.

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số lớp trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi số lớp trung học phổ thông của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi số lớp trung học phổ thông của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần III. Học sinh**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 04. ĐN-THPT.

- Số học sinh chuyển đi ngoài địa bàn tỉnh/thành phố là số học sinh trong năm học đã chuyển đi học các trường khác ngoài địa bàn tỉnh/thành phố.

- Số học sinh chuyển đến từ tỉnh/thành phố khác là số học sinh trong năm học

được chuyển từ các tỉnh/thành phố khác đến học tại các trường thuộc địa bàn.

- Học sinh bỏ học là những học sinh trong độ tuổi đi học theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo đã từng đến trường tham gia hoạt động và học tập tại trường nay vì một lý do không đến lớp và không tham gia các hoạt động học tập của trường nữa.

- Học sinh lưu ban là học sinh không đáp ứng các điều kiện để được lên lớp, được học lưu ban lớp đó trong năm học kế tiếp.

- Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông là học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

## 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số học sinh trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số học sinh nữ học trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi tổng số học sinh dân tộc thiểu số học trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 4: Ghi tổng số học sinh nữ dân tộc thiểu số học trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 5: Ghi tổng số học sinh trung học phổ thông của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 6: Ghi số học sinh nữ học trung học phổ thông của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 7: Ghi số học sinh dân tộc thiểu số học trung học phổ thông của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 8: Ghi số học sinh nữ dân tộc thiểu số học trung học phổ thông của trường công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi tổng số học sinh trung học phổ thông của trường tư thục lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số học sinh nữ học trung học phổ thông của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số học sinh dân tộc thiểu số học trung học phổ thông của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 12: Ghi số học sinh nữ dân tộc thiểu số học trung học phổ thông của trường tư thục tương ứng với các dòng của cột A.



### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **Phần IV. Đội ngũ**

### 1. Khái niệm, phương pháp tính

- Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 04. ĐN-THPT.
- Giáo viên trung học phổ thông được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là giáo viên dạy cấp trung học phổ thông được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giáo viên nghỉ hưu trong năm học là các giáo viên đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc về hưu theo chế độ và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.
- Giáo viên tuyển mới trong năm học là các giáo viên được tuyển dụng lần đầu vào cơ sở giáo dục để bắt đầu công tác dạy học.

### 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại trường trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi tổng số nữ cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại trường trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tại trường trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 4: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ người dân tộc thiểu số tại trường trung học phổ thông tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 5: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành làm việc tại trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 6: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là viên chức hợp đồng làm việc không xác định thời hạn tại trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 7: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là viên chức hợp đồng làm việc xác định thời hạn tại trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 8: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ tại trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tại trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số nữ cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tại trường trung học phổ thông công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 12: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại trường trung học phổ thông tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 13: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ tại trường trung học phổ thông tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 14: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tại trường trung học phổ thông tư thục tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 15: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ dân tộc thiểu số tại trường trung học phổ thông tư thục tương ứng với các dòng của cột A.

### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục phổ thông báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Biểu 05.CN-GDTEX**

Ban hành theo Thông tư số 2024/TT-BGDĐT

ngày của Bộ trưởng Bộ GD&amp;ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

Kỳ cuối năm học

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh .....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

<b>I</b>	<b>Cơ sở giáo dục thường xuyên</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Công lập</b>	<b>Ngoài công lập</b>
	A	B	C	1	2	3
	<b>Tổng số cơ sở giáo dục thường xuyên</b>	trung tâm	01			
1.1.	Trung tâm giáo dục thường xuyên	trung tâm	02			
1.2.	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	trung tâm	03			
1.3.	Trung tâm học tập cộng đồng	trung tâm	04			
1.4.	Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	trung tâm	05			









III	Đội ngũ	Đơn vị tính	Tổng số				Công lập							Ngoài công lập			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Phân loại hợp đồng			Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ		Viên chức		Hợp đồng lao động		Tổng số	Nữ			Tổng số	Nữ
								HĐLV không xác định thời hạn	HĐLV xác định thời hạn								
	Chia ra																
	- Giám đốc	người															
	- Phó Giám đốc	người															
<b>4.2.</b>	<b>Giáo viên</b>																
<b>5.</b>	<b>Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên</b>																
<b>5.1.</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	người															
	- Giám đốc	người															
	- Phó Giám đốc	người															
<b>5.2.</b>	<b>Giáo viên</b>	người															

....., ngày .....tháng ..... năm ....

Người lập biểu

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)



## **Biểu 05. CN-GDTEX: Báo cáo thống kê Giáo dục Thường xuyên Kỳ cuối năm học**

### **Phần I. Cơ sở giáo dục thường xuyên**

#### 1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 05-GDTEX-ĐN.

#### 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số các trung tâm tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 2: Ghi số trung tâm thuộc loại hình công lập tương ứng với các dòng của cột A;
- Cột 3: Ghi số trung tâm thuộc loại hình ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A;

#### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục thường xuyên báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **Phần II. Người học**

#### 1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 05-GDTEX-ĐN.

- Học viên bỏ học là những học viên trong độ tuổi đi học theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo đã từng đến trường tham gia hoạt động và học tập tại trường nay vì một lý do không đến lớp và không tham gia các hoạt động học tập của trường nữa.

- Học viên lưu ban là học viên không đáp ứng các điều kiện để được lên lớp, được học lưu ban lớp đó trong năm học kế tiếp.

- Học viên được công nhận tốt nghiệp chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở là học viên học hết chương trình trung học cơ sở, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Học viên được công nhận tốt nghiệp chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông là học viên học hết chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Học viên xóa mù và giáo dục tiếp tục sau biết chữ đạt tiêu chuẩn để được công nhận theo 2 mức độ:

+ Mức độ 1: Hoàn thành giai đoạn 1 chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc hoàn thành lớp 3 chương trình giáo dục tiểu học.

+ Mức độ 2: Hoàn thành giai đoạn 2 chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học.

## 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số học viên tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số học viên nữ tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi tổng số học viên dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 4: Ghi tổng số học viên là nữ người dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 5: Ghi số học viên học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 6: Ghi số học viên nữ tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 7: Ghi số học viên dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 8: Ghi số học viên là nữ người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi số học viên tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số học viên nữ tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số học viên dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 12: Ghi số học viên là nữ người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A.

## 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục thường xuyên báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **Phần IV. Định ngữ**

### 1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 05. ĐN-GDTEX.

- Giáo viên dạy chương trình giáo dục thường xuyên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là giáo viên dạy tại các cơ sở giáo dục thường xuyên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo viên nghỉ hưu trong năm học là các giáo viên đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc về hưu theo chế độ và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

- Giáo viên tuyển mới trong năm học là các giáo viên được tuyển dụng lần đầu vào cơ sở giáo dục để bắt đầu công tác dạy học.

## 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi tổng số nữ cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là người dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 4: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành là nữ người dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 5: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 6: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập là viên chức hợp đồng làm việc không xác định thời hạn tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 7: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập là viên chức hợp đồng làm việc xác định thời hạn tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 8: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập theo chế độ hợp đồng lao động tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 9: Ghi số nữ cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 10: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập là người dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 11: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập là nữ người dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 12: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 13: Ghi số nữ cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 14: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập là người dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 15: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập là nữ người dân tộc thiểu số tương ứng với các dòng của cột A.

### 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục thường xuyên báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Biểu 06.CN-GDKT**

Ban hành theo Thông tư số /2024/TT-BGDĐT

ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ GD&amp;ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ  
GIÁO DỤC KHUYẾT TẬT**

Kỳ cuối năm học

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh .....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Công lập	Ngoài Công lập
	A	B	1	2	3
<b>I.</b>	<b>Cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật</b>	cơ sở			
<b>1.1.</b>	<b>Trường phổ thông chuyên biệt dành cho người khuyết tật</b>	trường			
	Chia ra:				
	- Trường cấp tiểu học	trường			
	- Trường cấp trung học cơ sở	trường			
	- Trường cấp trung học phổ thông	trường			
<b>1.2.</b>	<b>Trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật</b>	trung tâm			
	Trong đó:				
	- Trung tâm GD trẻ khuyết tật cấp tỉnh/thành phố	trung tâm			
	- Trung tâm GD trẻ khuyết tật cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)	trung tâm			
<b>1.3.</b>	<b>Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập</b>	trung tâm			
	Trong đó:				
	- Trung tâm GD trẻ khuyết tật cấp tỉnh/thành phố	trung tâm			
	- Trung tâm GD trẻ khuyết tật cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)	trung tâm			
	- Số Trung tâm có hoạt động hỗ trợ tại các cơ sở giáo dục khác	trung tâm			
<b>II</b>	<b>Học sinh</b>	người			
2.1.	Số học sinh học chuyên biệt	người			
2.2.	Số học sinh/trẻ em được can thiệp sớm	người			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Công lập	Ngoài Công lập
	A	B	1	2	3
<b>III.</b>	<b>Đội ngũ</b>	người			
<b>3.1.</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	người			
3.1.1.	Hiệu trưởng/Giám đốc	người			
3.1.2.	Phó hiệu trưởng/Phó Giám đốc	người			
<b>3.2.</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>	người			
<b>3.2.1.</b>	<b>Giáo viên</b>	người			
	Chia theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp	người			
	- Tốt	người			
	- Khá	người			
	- Đạt	người			
	- Chưa đạt	người			
	Trong đó				
	- Giáo viên tuyển mới trong năm học	người			
	- Giáo viên nghỉ hưu trong năm học	người			
<b>3.2.2</b>	<b>Thiết bị, thí nghiệm</b>	người			
<b>3.2.3</b>	<b>Giáo vụ</b>	người			
<b>3.2.4</b>	<b>Tư vấn học sinh</b>	người			
<b>3.2.5</b>	<b>Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật</b>	người			
<b>3.3.</b>	<b>Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung</b>	người			
	Chia ra:				
	- Thư viện	người			
	- Quản trị công sở	người			
	- Văn thư	người			
	- Thủ quỹ	người			
	- Kế toán	người			
	- Kiêm nhiệm 2 hoặc 3 VTVL chuyên môn dùng chung	người			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Công lập	Ngoài Công lập
	A	B	1	2	3
<b>3.4.</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	người			
	Chia ra:	người			
	- Y tế học đường	người			
	- Nhân viên bảo vệ	người			
	- Nhân viên nấu ăn	người			
	- Nhân viên phục vụ	người			

Người lập biểu  
Ký tên

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu 06. CN-GDKT: Báo cáo thống kê Giáo dục Khuyết tật  
Kỳ cuối năm học**

**Phần I. Cơ sở giáo dục khuyết tật**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 06. ĐN-GDKT.

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số các cơ sở giáo dục khuyết tật tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi số trung tâm thuộc loại hình công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi số trường thuộc loại hình ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần II. Học sinh**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 06. ĐN-GDKT.

2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số học sinh khuyết tật tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi số học sinh khuyết tật của trung tâm công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi số học sinh khuyết tật của trung tâm ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Phần IV. Đội ngũ**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Nội dung khái niệm, phương pháp tính như Biểu 06. ĐN-GDKT.

- Giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là giáo viên dạy tại các cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



- Giáo viên nghỉ hưu trong năm học là các giáo viên đã đến tuổi nghỉ hưu hoặc về hưu theo chế độ và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

- Giáo viên tuyển mới trong năm học là các giáo viên được tuyển dụng lần đầu vào cơ sở giáo dục để bắt đầu công tác dạy học.

## 2. Cách ghi biểu:

- Cột 1: Ghi tổng số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 2: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của trung tâm công lập tương ứng với các dòng của cột A;

- Cột 3: Ghi số cán bộ quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của trung tâm ngoài công lập tương ứng với các dòng của cột A.

## 3. Nguồn số liệu:

Số liệu tổng hợp từ các cơ sở giáo dục giáo dục dành cho người khuyết tật báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Biểu 07.CN-TKTH**

Ban hành theo Thông tư số  
/2024/TT/BGDĐT ngày / /2024  
của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP  
GIÁO DỤC MẦM NON - PHỔ THÔNG  
- THƯỜNG XUYÊN - KHÁC**

Kỳ cuối năm học

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh .....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn ngành tại địa phương		Công lập		Ngoài công lập	
			Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học	Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học	Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học
	A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I.</b>	<b>GIÁO DỤC MẦM NON</b>							
<b>1.</b>	<b>Cơ sở giáo dục mầm non</b>	cơ sở						
	- Trường	trường						
	- Cơ sở giáo dục mầm non độc lập	cơ sở						
<b>2.</b>	<b>Nhóm, lớp</b>	nhóm/lớp						
<b>3.</b>	<b>Trẻ em</b>	người						
	Trong đó:							
	- Trẻ em 6 tuổi	người						
<b>4.</b>	<b>Đội ngũ</b>	người						
	- Cán bộ quản lý	người						
	- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	người						
	Trong đó :							
	+ Giáo viên	người						
	- VTVL chuyên môn dùng chung	người						
	- VTVL hỗ trợ phục vụ	người						
	Trong đó :							
	- Viên chức	người						
<b>5.</b>	<b>Các tỷ lệ</b>							
	- Số bình quân trẻ nhà trẻ/nhóm	trẻ/nhóm						
	- Số bình quân giáo viên/nhóm	gv/nhóm						
	- Số bình quân trẻ nhà trẻ/giáo viên	trẻ/gv						
	- Số bình quân trẻ mẫu giáo/lớp	trẻ/lớp						
	- Số bình giáo viên/lớp	gv/lớp						
	- Số bình quân trẻ mẫu giáo/giáo viên	trẻ/gv						
	- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi	%						
	- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	%						
	- Tỷ lệ trẻ thể thừa cân, béo phì	%						
<b>6.</b>	<b>Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi</b>	Mức độ						
<b>II</b>	<b>GIÁO DỤC PHỔ THÔNG</b>							
<b>1.</b>	<b>Trường</b>	trường						
	- Tiểu học	trường						
	- Trung học cơ sở	trường						

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn ngành tại địa phương		Công lập		Ngoài công lập	
			Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học	Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học	Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học
	A	B	1	2	3	4	5	6
	- Tiểu học và trung học cơ sở	trường						
	- Trung học phổ thông	trường						
	- Trung học cơ sở và trung học phổ thông	trường						
	- Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông	trường						
<b>2.</b>	<b>Lớp</b>	lớp						
	- Tiểu học	lớp						
	- Trung học cơ sở	lớp						
	- Trung học phổ thông	lớp						
<b>3.</b>	<b>Học sinh</b>	người						
	- Tiểu học	người						
	- Trung học cơ sở	người						
	- Trung học phổ thông	người						
<b>4.</b>	<b>Đội ngũ</b>	người						
	- Cán bộ quản lý	người						
	- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	người						
	Trong đó							
	+ Giáo viên tiểu học	người						
	+ Giáo viên trung học cơ sở	người						
	+ Giáo viên trung học phổ thông	người						
	- VTVL chuyên môn dùng chung	người						
	- VTVL hỗ trợ phục vụ	người						
	Trong đó :							
	- Viên chức	người						
<b>5.</b>	<b>Các tỷ lệ</b>							
5.1	Tiểu học							
	- Tỷ lệ học sinh lên lớp	%						
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%						
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%						
	- Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học	%						
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi	%						
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học	%						
5.2	Trung học cơ sở							
	- Tỷ lệ học sinh lên lớp	%						
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%						
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%						
	- Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học	%						
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở	%						
5.3	Trung học phổ thông							
	- Tỷ lệ học sinh lên lớp	%						

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn ngành tại địa phương		Công lập		Ngoài công lập	
			Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học	Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học	Tổng số	Tăng/giảm so với kỳ đầu năm học
	A	B	1	2	3	4	5	6
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%						
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%						
	- Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học	%						
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học phổ thông	%						
<b>6.</b>	<b>Phổ cập giáo dục</b>							
6.1.	Phổ cập giáo dục tiểu học	Mức độ						
6.2.	Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Mức độ						
<b>IV</b>	<b>GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN</b>							
1.	Cơ sở giáo dục thường xuyên	Cơ sở						
2.	Học viên	học viên						
	- Chương trình GDTX cấp trung học cơ sở	học viên						
	- Chương trình GDTX cấp trung học phổ thông	học viên						
	- Xóa mù chữ và GD tiếp tục sau khi biết chữ	học viên						
	- Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng	lượt người						
3.	Đội ngũ	người						
	Trong đó :							
	- Viên chức	người						
4.	Xóa mù chữ	Mức độ						
<b>V</b>	<b>GIÁO DỤC KHUYẾT TẬT</b>							
	<b>Giáo dục khuyết tật chuyên biệt</b>							
1.	Cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật	cơ sở						
2.	Học sinh khuyết tật học chuyên biệt	người						
3.	Đội ngũ	người						
	Trong đó :							
	- Viên chức	người						

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập  
(Ký tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu 07. CN-TKTH: báo cáo thống kê tổng hợp giáo dục  
mầm non -phổ thông - thường xuyên -khác  
Kỳ cuối năm học**

**I. Trường; Trung tâm:**

Khái niệm, phương pháp tính như các Biểu 01. CN-TH đến Biểu 06. CN-GDKT.

**II. Nhóm/lớp, lớp:**

Khái niệm, phương pháp tính như các Biểu 01.CN-TH đến Biểu 06.CN-GDKT.

**III. Học sinh:**

Khái niệm, phương pháp tính như các Biểu 01.CN-TH đến Biểu 06.CN-GDKT.

**IV. Giáo viên:**

Khái niệm, phương pháp tính như các Biểu 01. CN-TH đến Biểu 06.CN-GDKT.

**V. Phòng học:**

Khái niệm, phương pháp tính như các Biểu 01. CN-TH đến Biểu 06.CN-GDKT.

**VI. Các tỷ lệ:**

1. Khái niệm, phương pháp tính:

- Tỷ lệ học sinh lên lớp của một cấp học trong năm học (t) là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh được lên lớp trong năm học (t+1) so với tổng số học sinh của cấp học ở năm t.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban của một cấp học trong năm học (t) là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh bị học lại trong năm học (t+1) so với tổng số học sinh của cấp học trong năm học (t).

- Tỷ lệ học sinh bỏ học của một cấp học trong năm học (t) là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh bỏ học của cấp học năm học (t) so với tổng số học sinh của cấp học năm học (t).

- Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: Là số phần trăm giữa số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học so với số học sinh học lớp 5 cuối năm học đó.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi: Là số phần trăm giữa số học sinh 11 tuổi được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học so với số học sinh học lớp 5 của cuối năm học đó.

- Tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học: Là số phần trăm giữa số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học năm học (t+4) so với số học sinh lớp 1 đầu năm học (t).

- Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở so với số học sinh học ở lớp 09 đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS năm học } t (\%) = \frac{\text{Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS năm học } t}{\text{Số học sinh học ở lớp 09 đủ điều kiện xét tốt nghiệp năm học } t} \times 100$$

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở: là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học (t) so với số học sinh lớp 06 đầu năm học (t-3).

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS năm học } t (\%) = \frac{\text{Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học } t}{\text{Số học sinh lớp 06 đầu năm học } t-3} \times 100$$

- Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông so với số học sinh học ở lớp 12 đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT năm học } t (\%) = \frac{\text{Số học sinh được công nhận tốt nghiệp ở lớp cuối cấp THPT năm học } t}{\text{Số học sinh ở lớp 12 đủ điều kiện xét tốt nghiệp năm học } t} \times 100$$

Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học phổ thông là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông năm học (t) so với số học sinh lớp 10 đầu năm học (t-2).

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THPT năm học } t (\%) = \frac{\text{Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT năm học } t}{\text{Số học sinh lớp 10 đầu năm học } t-2} \times 100$$

- Tỷ lệ chuyển cấp từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh được tuyển mới vào lớp 10 trong năm học t so với số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học t-1.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ chuyển cấp từ THCS lên THPT năm học } t (\%) = \frac{\text{Số học sinh tuyển mới vào lớp 10 năm học } t}{\text{Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học } t-1} \times 100$$

## **VII: Phổ cập giáo dục:**

Khái niệm, phương pháp tính như Biểu 07. ĐN-TKTH.

## **VIII. Cách ghi biểu:**

### 1. Giáo dục Mầm non - Phổ thông - thường xuyên- khác

- Cột 1, 3, 5: Ghi tổng số trường, lớp, học sinh, giáo viên, phòng học (tổng số, công lập và ngoài công lập) v.v... tương ứng với các dòng của cột A

- Cột 2, 4, 6: Ghi số lượng trường, lớp, học sinh, giáo viên, phòng học (tổng số, công lập và ngoài công lập) v.v... tăng hoặc giảm so với số liệu đầu năm học tương ứng với các dòng của cột A

### 2. Phổ cập giáo dục

- Cột 1: Ghi mức độ được công nhận phổ cập tương ứng với các dòng ở cột A.